

Số: 10/2022/TT-BTC

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2022

THÔNG TƯ

Quy định Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/07/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán và Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mẫu biểu, nguyên tắc, phương pháp lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước và cách tính Chỉ tiêu vốn chủ sở hữu bình quân trong công thức tính toán tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) cho các đối tượng và mục đích theo quy định của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là “Nghị định số 155/2020/NĐ-CP”).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

1. Doanh nghiệp phải lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước theo các trường hợp được quy định tại các Điều 31, Điều 35, Điều 113, Điều 114, Điều 115 và Điều 116 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước theo quy định pháp luật.

2. Các doanh nghiệp không thuộc khoản 1 Điều này được vận dụng và phải thực hiện đầy đủ các quy định tại Thông tư này để lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước nếu có nhu cầu.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Nội dung và mẫu biểu Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước

1. Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước gồm:
 - Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước;
 - Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước;
 - Thuyết minh báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước;
2. Mẫu báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước được quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Giai đoạn báo cáo

Giai đoạn Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước được quy định tại các Điều 31, Điều 35, Điều 113, Điều 114, Điều 115 và Điều 116 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Điều 5. Nguyên tắc lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước

1. Nguyên tắc chung:
 - a) Tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước là việc doanh nghiệp thu thập, phân loại, tổng hợp và trình bày thông tin tài chính nhằm minh họa ảnh hưởng của sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu đối với thông tin tài chính chưa điều chỉnh của doanh nghiệp nếu giả định sự kiện đã xảy ra hoặc giao dịch đã được thực hiện tại thời điểm lựa chọn. Việc tổng hợp thông tin này bao gồm các bước sau:
 - Xác định nguồn thông tin tài chính chưa điều chỉnh được sử dụng để tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước;
 - Ghi nhận các điều chỉnh theo quy ước vào thông tin tài chính chưa điều chỉnh cho mục đích trình bày thông tin tài chính theo quy ước. Các điều chỉnh theo quy ước bao gồm:
 - + Các điều chỉnh đối với thông tin tài chính chưa điều chỉnh để minh họa cho ảnh hưởng của sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu nếu giả định sự kiện đã xảy ra hoặc giao dịch đã được thực hiện tại một ngày trước đó được chọn cho mục đích minh họa;
 - + Các điều chỉnh đối với thông tin tài chính chưa điều chỉnh mà cần thiết cho việc tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước trên cơ sở nhất quán với khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng của đơn vị báo cáo và với chính sách kế toán phù hợp với khuôn khổ đó.

- Trình bày kết quả thông tin tài chính theo quy ước và những thuyết minh kèm theo.

b) Nguồn các thông tin chưa điều chỉnh để lập Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước và Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước quy định tại Điều 6 Thông tư này là Báo cáo tình hình tài chính (Bảng cân đối kế toán) và Báo cáo kết quả hoạt động (Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) cho giai đoạn Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước. Đối với doanh nghiệp là công ty mẹ phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì thông tin chưa điều chỉnh được sử dụng để lập Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước và Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước là Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (Bảng cân đối kế toán hợp nhất) và Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất (Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất).

c) Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước được lập trên cơ sở giá định hoạt động cơ cấu lại, tách công ty đã được hoàn tất trong giai đoạn báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước. Quy định cụ thể nguyên tắc lập được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

d) Kỹ thuật sử dụng để tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước được thực hiện theo quy định của chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành. Doanh nghiệp không áp dụng các quy định về kế toán tạm thời theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.

đ) Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước phải thực hiện các điều chỉnh theo quy ước đối với ảnh hưởng của các giao dịch tài trợ vốn bổ sung (vốn vay hoặc vốn chủ sở hữu) để hoàn thành giao dịch cơ cấu lại, thường bao gồm điều chỉnh cho khoản vốn bổ sung và các chi phí liên quan, ví dụ như gốc vay, chi phí lãi vay.

e) Khi thoả thuận về giao dịch cơ cấu lại cho phép điều chỉnh giá phí tùy thuộc vào sự kiện trong tương lai, doanh nghiệp phải thuyết minh trong Báo cáo tổng hợp thông tin theo quy ước các điều khoản của thoả thuận liên quan đến điều chỉnh giá phí và ảnh hưởng có thể có của điều chỉnh này đối với thu nhập trong tương lai.

g) Các điều chỉnh theo quy ước trên Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước phải được ghi nhận nhất quán với khuôn khổ lập báo cáo tài chính và chính sách kế toán được áp dụng cho các sự kiện hoặc giao dịch này trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp hình thành sau cơ cấu lại, tách công ty trừ trường hợp có quy định khác tại Thông tư này.

h) Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước chỉ ghi nhận các điều chỉnh theo quy ước cho các sự kiện có đồng thời các đặc điểm sau:

- Có liên quan trực tiếp đến hoạt động cơ cấu lại, tách công ty;
- Đã phát sinh đến thời điểm phải lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước; và

- Được chứng minh bằng các bằng chứng thực tế.

i) Các sự kiện phát sinh trực tiếp từ hoạt động cơ cấu lại, tách công ty và sẽ không phát sinh lại trong các kỳ sau không được phản ánh vào Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước mà chỉ phản ánh vào Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước.

Doanh nghiệp phải nêu rõ rằng những sự kiện này không được phản ánh trong Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước và thuyết minh các khoản thu nhập, chi phí và các ảnh hưởng của thuế liên quan.

k) Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước không phản ánh các thông tin mang tính dự báo, xét đoán, thông tin về các sự kiện chưa phát sinh, ví dụ như các thông tin về các ảnh hưởng có thể xảy ra hoặc kỳ vọng sẽ xảy ra liên quan đến các giao dịch mà Ban Giám đốc doanh nghiệp dự kiến sẽ thực hiện do ảnh hưởng của hoạt động cơ cấu lại, tách công ty.

l) Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước và Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước phải trình bày riêng số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước, các điều chỉnh theo quy ước cho từng hoạt động cơ cấu lại, tách công ty và thông tin tài chính theo quy ước. Doanh nghiệp phải giải thích chi tiết cho từng điều chỉnh theo quy ước trong Thuyết minh báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

m) Trường hợp doanh nghiệp có nhiều hoạt động cơ cấu lại, tách công ty phải lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước thì doanh nghiệp phải trình bày riêng biệt điều chỉnh theo quy ước cho từng giao dịch trên Báo cáo tổng hợp thông tin tình hình tài chính theo quy ước và Báo cáo tổng hợp thông tin kết quả hoạt động theo quy ước.

n) Ảnh hưởng của thuế:

- Các ảnh hưởng của thuế phải được tính toán dựa trên thuế suất có hiệu lực theo quy định của pháp luật về thuế trong giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước.

- Trường hợp tại thời điểm ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, thuế thu nhập hoãn lại phải trả doanh nghiệp đã biết trước sẽ có sự thay đổi về thuế suất thuế TNDN trong tương lai, nếu tài sản thuế thu nhập hoãn lại, thuế thu nhập hoãn lại phải trả sẽ được hoàn nhập khi thuế suất mới đã có hiệu lực thì doanh nghiệp áp dụng thuế suất mới đó để ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

2. Nguyên tắc lập Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước

Các điều chỉnh theo quy ước được tính toán với giả định rằng các giao dịch cơ cấu lại, tách công ty đã hoàn tất vào ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước.

3. Nguyên tắc lập Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước

a) Các điều chỉnh theo quy ước phải được tính toán với giả định rằng hoạt động cơ cấu lại, tách công ty đã hoàn tất vào ngày đầu giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước.

b) Doanh nghiệp không được loại trừ khỏi Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước các khoản mục không thường xuyên hoặc không phát sinh lại trong các kỳ sau mà các khoản mục này không liên quan trực tiếp đến hoạt động cơ cấu lại, tách công ty đã được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động của các doanh nghiệp cơ cấu lại, doanh nghiệp bị tách.

Điều 6. Phương pháp lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước

1. Trường hợp hợp nhất doanh nghiệp:

a) Trường hợp các doanh nghiệp hợp nhất không có công ty con:

- Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước được lập trên cơ sở hợp cộng báo cáo tình hình tài chính của các doanh nghiệp hợp nhất tại ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước.

- Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước được lập trên cơ sở hợp cộng báo cáo kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho giai đoạn trùng với giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước.

- Doanh nghiệp thực hiện loại trừ toàn bộ công nợ, đầu tư tài chính và các số dư khác, doanh thu, chi phí, lãi, lỗ phát sinh từ các giao dịch giữa các bên tham gia hợp nhất.

b) Trường hợp một hoặc các doanh nghiệp hợp nhất có công ty con và doanh nghiệp hình thành sau hợp nhất phải lập báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với trường hợp giao dịch mua được xác định là mua một hoạt động kinh doanh:

+ Đối với trường hợp trước khi hợp nhất các doanh nghiệp hợp nhất chịu sự kiểm soát chung:

Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước và báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước được lập theo quy định trường hợp các doanh nghiệp hợp nhất không có công ty con tại điểm a khoản 1 Điều này.

+ Đối với trường hợp trước khi hợp nhất các doanh nghiệp hợp nhất không chịu sự kiểm soát chung:

. Doanh nghiệp phải xác định bên mua theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.

. Bên mua thực hiện ghi nhận các tài sản đã mua, các khoản nợ phải trả và nợ tiềm tàng phải gánh chịu, kể cả những tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng mà bên bị mua chưa ghi nhận trước đó theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh và các chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

. Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước được lập trên cơ sở báo cáo tình hình tài chính của bên mua tại ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước và Báo cáo tình hình tài chính của bên bị mua được xác định tại ngày hoàn thành giao dịch hợp nhất. Bên mua thực hiện ghi nhận

các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua vào báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước của bên mua theo giá trị hợp lý và ghi nhận giá trị lợi thế thương mại tương ứng tại ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

. Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước được lập trên cơ sở Báo cáo kết quả hoạt động của bên mua và bên bị mua cho giai đoạn trùng với giai đoạn lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước. Doanh nghiệp thực hiện các điều chỉnh theo quy ước phản ánh ảnh hưởng trực tiếp của giao dịch hợp nhất kinh doanh bao gồm các điều chỉnh tài sản thuần theo giá trị hợp lý, phân bổ lợi thế thương mại và các điều chỉnh phù hợp khác với giả định rằng giao dịch hợp nhất xảy ra vào ngày đầu giai đoạn lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

. Doanh nghiệp thực hiện loại trừ toàn bộ công nợ, đầu tư tài chính và các số dư khác, doanh thu, chi phí, lãi, lỗ phát sinh từ các giao dịch giữa các bên tham gia hợp nhất.

- Đối với trường hợp doanh nghiệp mua một nhóm các tài sản hoặc các tài sản thuần nhưng không cấu thành một hoạt động kinh doanh:

+ Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước được lập trên cơ sở báo cáo tình hình tài chính của bên mua tại ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước. Bên mua thực hiện phân bổ giá phí của nhóm tài sản đó cho các tài sản và nợ phải trả có thể xác định riêng rẽ trong nhóm tài sản được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của bên bị mua tại ngày hoàn thành giao dịch mua để ghi nhận vào Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước.

+ Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước được lập trên cơ sở hợp cộng báo cáo kết quả hoạt động của bên mua và bên bị mua cho giai đoạn trùng với giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước. Khi lập Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước, doanh nghiệp thực hiện các điều chỉnh theo quy ước phản ánh việc chi phí khấu hao của tài sản thay đổi do việc phân bổ giá phí nêu trên với giả định rằng giao dịch hợp nhất xảy ra vào ngày đầu giai đoạn báo cáo này.

+ Doanh nghiệp thực hiện loại trừ toàn bộ công nợ, đầu tư tài chính và các số dư khác, doanh thu, chi phí, lãi, lỗ phát sinh từ các giao dịch giữa các bên tham gia hợp nhất.

2. Trường hợp sáp nhập doanh nghiệp:

a) Đối với trường hợp doanh nghiệp nhận sáp nhập và các doanh nghiệp bị sáp nhập không có công ty con:

- Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước được lập trên cơ sở hợp cộng báo cáo tình hình tài chính của doanh nghiệp nhận sáp nhập và các doanh nghiệp bị sáp nhập tại ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước.

- Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước được lập trên cơ sở hợp cộng Báo cáo kết quả hoạt động của doanh nghiệp nhận sáp nhập và các doanh

nghiệp bị sáp nhập cho giai đoạn trùng với giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước.

- Doanh nghiệp thực hiện loại trừ toàn bộ công nợ, đầu tư tài chính và các số dư khác, doanh thu, chi phí, lãi, lỗ phát sinh từ các giao dịch giữa các bên tham gia sáp nhập.

b) Đối với trường hợp doanh nghiệp nhận sáp nhập hoặc doanh nghiệp bị sáp nhập có công ty con và sau sáp nhập doanh nghiệp nhận sáp nhập phải lập báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với trường hợp giao dịch sáp nhập được xác định là mua một hoạt động kinh doanh:

Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước và báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước được lập tương tự trường hợp doanh nghiệp hợp nhất không có công ty con và giao dịch mua được xác định là mua một hoạt động kinh doanh tại điểm b khoản 1 Điều này.

- Đối với trường hợp doanh nghiệp mua một nhóm các tài sản hoặc các tài sản thuần nhưng không cấu thành một hoạt động kinh doanh:

Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước và Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước được lập tương tự trường hợp doanh nghiệp hợp nhất không có công ty con và doanh nghiệp mua một nhóm các tài sản hoặc các tài sản thuần nhưng không cấu thành một hoạt động kinh doanh tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp mua lại doanh nghiệp (bao gồm cả trường hợp mua tài sản thỏa mãn định nghĩa mua lại doanh nghiệp theo quy định của Luật cạnh tranh):

- Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước và Báo cáo tổng hợp thông tin kết quả hoạt động kinh doanh theo quy ước được lập tương tự trường hợp hợp nhất doanh nghiệp hướng dẫn tại điểm b Khoản 1 Điều này.

- Nếu phát sinh các giao dịch để bổ sung nguồn tài chính nhằm hoàn thành giao dịch mua thì doanh nghiệp cần thực hiện điều chỉnh quy ước để phản ánh ảnh hưởng của các giao dịch này, ví dụ như gốc vay, chi phí lãi vay để tài trợ cho giao dịch cơ cấu lại.

4. Trường hợp tách doanh nghiệp:

a) Trường hợp bộ phận tài sản bị tách ra để hình thành doanh nghiệp mới chưa tồn tại vào ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước, doanh nghiệp không cần lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước mà sử dụng báo cáo tài chính cho giai đoạn trùng với giai đoạn yêu cầu lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

b) Trường hợp bộ phận tài sản bị tách ra để hình thành doanh nghiệp mới đã tồn tại, hoặc đang hình thành vào ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước:

- Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước được lập trên cơ sở báo cáo tình hình tài chính của doanh nghiệp bị tách trừ đi giá trị ghi sổ của bộ phận tài

sản bị tách tại ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

- Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước được lập trên cơ sở báo cáo kết quả hoạt động của doanh nghiệp bị tách trừ đi kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận tài sản bị tách cho giai đoạn trùng với giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

- Doanh nghiệp phải lập và theo dõi thông tin chi tiết trong hệ thống kế toán quản trị để phục vụ cho việc xác định giá trị ghi sổ của các tài sản bị tách tại ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước và kết quả hoạt động của bộ phận bị tách cho giai đoạn trùng với giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

5. Trường hợp bán tài sản:

a) Trường hợp các tài sản bị bán chưa tồn tại vào ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước, doanh nghiệp không cần lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước mà sử dụng báo cáo tài chính cho giai đoạn trùng với giai đoạn yêu cầu lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

b) Trường hợp các tài sản được bán đã tồn tại, hoặc đang hình thành vào ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước:

- Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước và Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước được lập tương tự trường hợp tách doanh nghiệp mà bộ phận tài sản bị tách ra để hình thành doanh nghiệp mới đã tồn tại vào ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước tại điểm b Khoản 4 Điều này.

- Điều chỉnh theo quy ước phản ánh ảnh hưởng của giá phí nhận được thực tế tại ngày hoàn thành giao dịch bán lên Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước, và không phản ánh thu nhập, chi phí và các ảnh hưởng của thuế liên quan lên Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động.

Điều 7. Hướng dẫn nội dung khác

Chỉ tiêu vốn chủ sở hữu bình quân trong công thức tính toán tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) căn cứ trên Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước được xác định như sau:

1. Vốn chủ sở hữu đầu kỳ là vốn chủ sở hữu được xác định trên cơ sở Báo cáo tình hình tài chính của năm liền trước năm cần tính ROE.

2. Vốn chủ sở hữu cuối kỳ là vốn chủ sở hữu được xác định bằng cách sử dụng vốn chủ sở hữu đầu kỳ được đề cập tại khoản 1 Điều này cộng với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước của năm cần tính ROE và điều chỉnh cho những giao dịch đã xảy ra và có ảnh hưởng trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong năm cần tính ROE bao gồm nhưng không giới hạn trong các giao dịch như: trả cổ tức bằng tiền, tăng tỷ lệ lợi ích năm giữ trong công ty con, giảm tỷ lệ lợi ích năm giữ trong công ty con không mất kiểm soát.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Hiệu lực thi hành


Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2022.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán và kiểm toán, Chủ tịch Ủy ban chứng khoán nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam;
- Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Lưu: VT (2 bản), Cục QLKT. (30) 



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Tạ Anh Tuấn

Phụ lục 01
BIỂU MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP THÔNG TIN TÀI CHÍNH THEO QUY ƯỚC
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BTC ngày 14 tháng 02 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước

Đơn vị báo cáo:.....
Địa chỉ:.....

Mẫu số BTH 01 – DN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BTC
ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH THEO QUY ƯỚC
Tại ngày ... tháng ... năm ... (1)

Đơn vị tính:.....

| TÀI SẢN | Mã số | Thông tin tình hình tài chính chưa điều chỉnh | Giao dịch B | | | Giao dịch C | | | ... | Thông tin tình hình tài chính theo quy ước |
|--|------------|---|---|---------------------------|-------------------------------|---|---------------------------|-------------------------------|-----|--|
| | | | Số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước cho giao dịch B | Điều chỉnh theo quy ước 1 | Điều chỉnh theo quy ước 2,... | Số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước cho giao dịch C | Điều chỉnh theo quy ước 1 | Điều chỉnh theo quy ước 2,... | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| A – TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | | | | | | | | |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | | | | | | | | |
| 1. Tiền | 111 | | | | | | | | | |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | | | | | | | | |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | | | | | | | | |
| 1. Chứng | 121 | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|------------|-------|--|--|--|--|--|--|-------|
| khoán kinh doanh | | | | | | | | | |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | 122 | (...) | | | | | | | (...) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | | | | | | | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | | | | | | | |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | | | | | | | | |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | | | | | | | |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | | | | | | | |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | | | | | | | |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | | | | | | | |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | | | | | | | |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|------------|-------|--|--|--|--|--|--|-------|
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | | | | | | | |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | | | | | | | |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | | | | | | | |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | (...) | | | | | | | (...) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | | | | | | | |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | | | | | | | |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | | | | | | | |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | | | | | | | |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | | | | | | | |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | | | | | | | |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | | | | | | | |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|--|------------|-------|--|--|--|--|--|--|-------|
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | | | | | | | |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | | | | | | | |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | | | | | | | |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | | | | | | | |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | | | | | | | |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | | | | | | | |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | (...) | | | | | | | (...) |
| II. Tài sản cố định | 220 | | | | | | | | |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | | | | | | | |
| - Nguyên giá | 222 | | | | | | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | (...) | | | | | | | (...) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | |
|---|------------|-------|--|--|--|--|--|--|--|-------|
| - Nguyên giá | 225 | | | | | | | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | (...) | | | | | | | | (...) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | | | | | | | | |
| - Nguyên giá | 228 | | | | | | | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | (...) | | | | | | | | (...) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | | | | | | | | |
| - Nguyên giá | 231 | | | | | | | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | | | | | | | | |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | (...) | | | | | | | | (...) |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | | | | | | | | |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | | | | | | | | |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|--|------------|-------|--|--|--|--|--|--|-------|
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | | | | | | | |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | | | | | | | |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | | | | | | | |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | | | | | | | |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | (...) | | | | | | | (...) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | | | | | | | |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | | | | | | | |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | | | | | | | |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | | | | | | | |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | | | | | | | |
| Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200) | 270 | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|--|------------|--|--|--|--|--|--|--|--|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | | | | | | | |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | | | | | | | |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | | | | | | | |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | | | | | | | |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | | | | | | | | |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | | | | | | | |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | | | | | | | |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | | | | | | | |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | | | | | | | |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | | | | | | | |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | | | | | | | | |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | | | | | | | |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | |
|--|------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | | | | | | | | |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | | | | | | | | |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | | | | | | | | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | | | | | | | | |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | | | | | | | | |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | | | | | | | | |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | | | | | | | | |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | | | | | | | | |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | | | | | | | | |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | | | | | | | | |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | | | | | | | | |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | | | | | | | | |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|--|------------|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | | | | | | | |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | | | | | | | |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | | | | | | | |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | | | | | | | |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | | | | | | | |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | | | | | | | |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | | | | | | | |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411 a | | | | | | | | |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411 b | | | | | | | | |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | | | | | | | |
| 3. Quyền chọn chuyên đổi trái phiếu | 413 | | | | | | | | |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | |
|--|------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | | | | | | | | |
| Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400) | 440 | | | | | | | | | |

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Những chi tiêu không có số liệu được miễn trình bày.
- (2) Số liệu trong các chi tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Mẫu biểu trên áp dụng cho báo cáo tài chính riêng của doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Đối với báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán khác, doanh nghiệp sửa đổi các chi tiêu cho phù hợp với chế độ kế toán đang áp dụng.

| | | | | | | | | | |
|--|----|--|--|--|--|--|--|--|--|
| kinh doanh ($30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)$) | | | | | | | | | |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | | | | | | | |
| 12. Chi phí khác | 32 | | | | | | | | |
| 13. Lợi nhuận khác ($40 = 31 - 32$) | 40 | | | | | | | | |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ($50 = 30 + 40$) | 50 | | | | | | | | |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | | | | | | | |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | | | | | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ($60 = 50 - 51 - 52$) | 60 | | | | | | | | |
| 18. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (*) | 61 | | | | | | | | |

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Những chi tiêu không có số liệu được miễn trình bày.
- (2) Mẫu biểu trên áp dụng cho BCTC của doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Đối với BCTC hợp nhất và BCTC của doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán khác, doanh nghiệp sửa đổi các chi tiêu cho phù hợp với chế độ kế toán đang áp dụng.
- (3) Chi tiêu có dấu (*) chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp trong việc đăng ký niêm yết và duy trì điều kiện niêm yết.

3. Thuyết minh báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước

Đơn vị báo cáo:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số BTH 09 – DN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BTC
ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỔNG HỢP THÔNG TIN TÀI CHÍNH THEO QUY ƯỚC

Năm(1)

I. Thông tin chung của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn.
2. Lĩnh vực kinh doanh.
3. Ngành nghề kinh doanh.
4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.
5. Cấu trúc doanh nghiệp
 - a) Danh sách các công ty con;
 - b) Danh sách các công ty liên doanh, liên kết;
 - c) Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

II. Thông tin bổ sung cho các điều chỉnh theo quy ước

1. Mô tả giao dịch, trong đó mô tả bối cảnh, hoàn cảnh cơ cấu lại, chia tách,... và các bộ phận cụ thể tham gia vào giao dịch cơ cấu lại, giao dịch tách công ty.
2. Nội dung và mục đích của thông tin tài chính theo quy ước bao gồm bản chất của sự kiện hoặc giao dịch và ngày giả định sự kiện đã xảy ra hoặc giao dịch đã thực hiện.
3. Thuyết minh nguồn thông tin dữ liệu gốc dùng để điều chỉnh và liệu báo cáo kiểm toán hoặc soát xét về nguồn đó đã được công bố hay chưa.
4. Thuyết minh các điều chỉnh theo quy ước: Doanh nghiệp trình bày thuyết minh chi tiết để giải thích cho từng điều chỉnh quy ước, bao gồm các nội dung sau:
 - a) Từng giao dịch có ảnh hưởng được phản ánh trong thông tin tài chính theo quy ước;
 - b) Các đơn vị liên quan;
 - c) Các giai đoạn báo cáo được trình bày; và
 - d) Giải thích cụ thể cho từng điều chỉnh theo quy ước.
5. Ngoài thuyết minh cho các điều chỉnh theo quy ước nêu trên, doanh nghiệp phải:
 - a) Thuyết minh các khoản thu nhập và chi phí trọng yếu liên quan trực tiếp đến giao dịch cơ cấu lại, giao dịch tách công ty mà các khoản mục này không phát sinh lại trong kỳ sau và các ảnh hưởng của thuế liên quan của các khoản mục đó.

b) Thuyết minh về các khoản nợ phải trả và tài sản hữu hình và vô hình tiềm tàng, cũng như sự không chắc chắn liên quan đến ảnh hưởng của thời gian hao mòn ước tính của tài sản.

c) Thuyết minh các điều khoản của khoản thanh toán tiềm tàng và ảnh hưởng tiềm tàng đối với thu nhập trong tương lai nếu khoản thanh toán tiềm tàng là cổ phiếu có thể phát hành.

6. Khuyến khích doanh nghiệp thuyết minh bổ sung các thông tin sau:

a) Các thông tin do Ban điều hành thực hiện hoặc dự kiến sẽ thực hiện sau giao dịch hợp nhất kinh doanh, bao gồm việc cho một số nhân viên thôi việc, đóng cửa các cơ sở kinh doanh và các khoản phí tái cấu trúc khác.

b) Các chỉ số đo lường hiệu quả hoạt động hoặc tính thanh khoản và ảnh hưởng của các điều chỉnh quy ước lên các chỉ số đó.

c) Thời gian sử dụng hữu ích hoặc thời gian phân bổ ước tính của các tài sản trọng yếu được mua trong giao dịch hợp nhất kinh doanh, bao gồm cả tài sản vô hình đã được xác định.

d) Có sự thay đổi về chính sách kế toán áp dụng giữa các giai đoạn lập báo cáo tài chính tổng hợp thông tin theo quy ước

7. Các điều chỉnh theo quy ước cũng phải được chứng minh bằng các bằng chứng thực tế để cung cấp cơ sở đáng tin cậy cho các thông tin tài chính theo quy ước. Các điều chỉnh được chứng minh bằng các bằng chứng thực tế có thể xác định được một cách khách quan. Nguồn thông tin của các bằng chứng thực tế cho các điều chỉnh theo quy ước bao gồm:

- a) Thỏa thuận mua bán;
- b) Tài liệu tài chính cho sự kiện hoặc giao dịch, như thỏa thuận nợ;
- c) Báo cáo định giá độc lập;
- d) Tài liệu khác liên quan đến các sự kiện hoặc giao dịch;
- e) Báo cáo tài chính được công bố;
- f) Thông tin tài chính khác trong bản cáo bạch;
- g) Hành động phù hợp theo pháp luật và các quy định có liên quan, như việc tính thuế;
- h) Hợp đồng lao động;
- i) Hành động của Ban quản trị đơn vị.

Các điều chỉnh nhất quán với khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng của đơn vị và chính sách kế toán theo khuôn khổ đó

